



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số

0026/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy phép Thành lập số

463/GP-UB

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0300872315

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 31 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Toàn
Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Ông Phan Đình Tân
Ông Nguyễn Quốc Mỹ
Bà Võ Thị Tuyết Nga
Bà Đỗ Anh Thư

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Triệu Kim Cân
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân
Bà Nguyễn Thùy Vân

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2018)
		Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Quảng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Võ Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Nguyễn Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Trụ sở đăng ký	Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 87 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc




Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 87.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



		Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng	4	455.568	319.178
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.056.877	1.316.399
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	4.813.555	2.721.134
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		4.699.805	2.721.134
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		113.750	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	131.918	138.813
1	Chứng khoán kinh doanh		144.141	149.346
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(12.223)	(10.533)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	509	434
VI	Cho vay khách hàng		35.502.201	23.649.752
1	Cho vay khách hàng	9	36.345.540	24.039.291
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(843.339)	(389.539)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	10.180.067	9.392.526
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.696.948	3.921.999
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.673.424	5.535.468
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(190.305)	(64.941)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	412.605	412.174
1	Đầu tư vào công ty con		300.000	300.000
4	Đầu tư dài hạn khác		117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.675)	(5.106)
X	Tài sản cố định		831.708	821.550
1	Tài sản cố định hữu hình	13	343.766	374.564
a	Nguyên giá		614.152	607.613
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(270.386)	(233.049)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	14	44.553	51.573
a	Nguyên giá		71.367	67.624
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.814)	(16.051)
3	Tài sản cố định vô hình	15	443.389	395.413
a	Nguyên giá		512.064	450.412
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(68.675)	(54.999)
XII	Tài sản Có khác	16	1.108.210	4.075.944
1	Các khoản phải thu		174.742	3.462.761
2	Các khoản lãi, phí phải thu		775.708	480.362
4	Tài sản Có khác		193.806	247.324
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(36.046)	(114.503)
TỔNG TÀI SẢN			54.493.218	42.847.904

		Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	323.468	2.953
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	7.624.322	4.467.334
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		6.779.286	4.013.200
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		845.036	454.134
III	Tiền gửi của khách hàng	19	39.945.295	34.103.891
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	13.839	20.614
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	1.892.113	34.250
VII	Các khoản nợ khác	22	1.053.628	809.844
1	Các khoản lãi, phí phải trả		890.543	687.871
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		163.085	121.973
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			50.852.665	39.438.886
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn chủ sở hữu	24	3.640.553	3.409.018
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.023.748	3.023.748
a	Vốn điều lệ		3.021.166	3.021.166
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần		2.547	2.547
g	Vốn khác		25	25
2	Các quỹ		213.806	180.227
5	Lợi nhuận chưa phân phối		402.999	205.043
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			3.640.553	3.409.018
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			54.493.218	42.847.904

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN			
2 Cam kết giao dịch hối đoái	38	4.684.540	68.400
Trong đó:			
▪ Cam kết mua ngoại tệ		14.137	68.400
▪ Cam kết bán ngoại tệ		59.636	-
▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		4.610.767	-
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38	47.601	420.087
5 Bảo lãnh khác	38	382.042	205.004

Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

		Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	3.939.416	3.211.376
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(2.756.009)	(2.065.654)
I	Thu nhập lãi thuần	25	1.183.407	1.145.722
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	75.899	63.953
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(49.457)	(39.728)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	26.442	24.225
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	25.235	20.322
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(3.468)	(150)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	151.899	58.206
5	Thu nhập từ hoạt động khác	30	275.310	33.102
6	Chi phí hoạt động khác	30	(3.989)	(18.171)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	271.321	14.931
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	13.708	28.723
VIII	Chi phí hoạt động	32	(853.249)	(777.885)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		815.295	514.094
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(520.687)	(481.998)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		294.608	32.096
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(57.857)	(4.171)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	-	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	(57.857)	(4.171)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		236.751	27.925

Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Quyển Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

		2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.649.709	3.241.933
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.553.663)	(1.830.019)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	62.630	24.147
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	169.131	79.013
05	Thu nhập khác	1.883	36.269
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	175.141	13.043
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(703.762)	(691.497)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(19.080)	(36.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		781.989	836.856
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(363.650)	3.061.690
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(907.700)	(1.594.512)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(75)	(434)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(12.306.249)	(9.852.665)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(14.016)	(197.103)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	3.195.583	82.414
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	320.515	(209.910)
16	Tăng/(giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.156.988	(2.463.229)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	5.841.404	9.778.637
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.857.863	34.250
19	(Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(6.775)	670
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(2.662)
21	(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(32.654)	19.599
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.523.223	(506.399)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(73.879)	(34.854)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	115.579	16.614
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	41.381	1.050
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	83.081	(17.190)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(665)	(1.271)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(665)	(1.271)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	1.605.639	(524.860)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	4.306.711	4.831.571
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 35)	5.912.350	4.306.711

Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng



Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này